

Số: 2587/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 27 tháng 10 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 29/3/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Đề án nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 194<sup>a</sup>/TTr-SNN ngày 10/9/2016, Văn bản số 1227/TTr-SNN ngày 12/10/2016,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch thực hiện Đề án nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

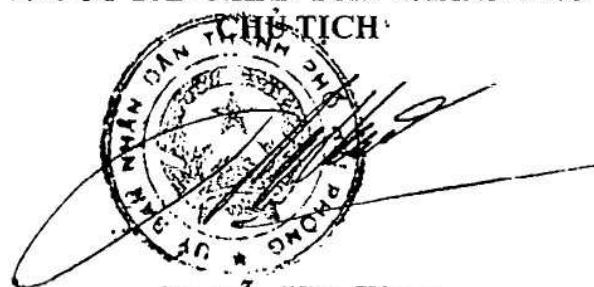
**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, quận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- TT TƯ, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP
- UBMTTQVN TP;
- Các sở, ngành thành phố;
- Các Hội đoàn thể thành phố;
- UBND các quận, huyện;
- Như Điều 3;
- CPVP và các ~~ĐH~~
- Các CVUB
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



Nguyễn Văn Tùng

## KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp,  
nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững  
đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

Cụ thể hoá Đề án nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 bằng các chương trình, đề án, dự án, các cơ chế, chính sách cụ thể, đảm bảo thiết thực, hiệu quả và bền vững, tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển nông nghiệp thành phố.

#### 2. Yêu cầu

- Phân công nhiệm vụ cụ thể, thời gian hoàn thành cho các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, quận có sản xuất nông nghiệp và cách thức triển khai thực hiện Đề án.

- Việc triển khai thực hiện cần đảm bảo phát huy vai trò, hiệu lực điều hành, quản lý và sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, đồng thời huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp.

### II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

#### 1. Giai đoạn 2016-2020

##### a. Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GDP nông, lâm, thủy sản bình quân đạt 2,7%/năm. Tỷ trọng GDP nhóm ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 5,3% trong cơ cấu GDP toàn thành phố.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 2,92%/năm, trong đó: nông nghiệp 1,55%/năm (trồng trọt 0,45%/năm, chăn nuôi 2,0%/năm, dịch vụ 8,85%/năm); thủy sản 6,05%/năm (nuôi trồng và dịch vụ 5,15%/năm, khai thác 7,15%/năm); lâm nghiệp 2,51%.

- Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản là 57,75% - 0,25% - 42%. Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp: trồng trọt 46%, chăn nuôi 46,85%, dịch vụ 7,15%; thủy sản: nuôi trồng và dịch vụ 59%, khai thác 41%.



- Đến năm 2020, giá trị gia tăng trên 1 đơn vị diện tích đất nông nghiệp gấp 1,37 lần so với năm 2015, ước đạt 106,2 triệu đồng/ha (giá so sánh năm 2010).

- Xác định các ngành hàng chủ lực:

+ Sản xuất trồng trọt: lúa chất lượng; rau, củ, quả chất lượng; hoa, cây cảnh; thuốc lá. Đến năm 2020 sản lượng lúa chất lượng 164.050 tấn; rau, củ, quả 375.000 tấn; hoa 98.163 nghìn bông, 675,5 nghìn cây cảnh; thuốc lá 4.823 tấn.

+ Sản xuất chăn nuôi: Lợn thịt và gia cầm. Đến năm 2020, sản lượng thịt hơi: lợn 75.000 tấn, gia cầm 49.500 tấn; trứng gia cầm 285 triệu quả.

+ Sản xuất thủy sản: Khai thác nhóm nhuyễn thể (mực), nhóm cá đáy (cá đồng, cá song, cá dưa...); nuôi thủy sản: tôm nước lợ, cá rô phi; chế biến: tôm đông lạnh, mực khô, nước mắm. Đến năm 2020, sản lượng thủy sản: mực 5.400 tấn, nhóm cá đáy 12.000 tấn, tôm thẻ chân trắng 7.200 tấn, tôm sú 1.738 tấn, cá rô phi 12.750 tấn, tôm đông lạnh 2.270 tấn, mực khô 910 tấn, nước mắm 5,6 triệu lít.

### ***b. Về xã hội***

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng 1,5 - 2,0 lần so với năm 2014, ước đạt 40,5 - 54,0 triệu đồng/người.

- Chuyển dịch nhanh lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp, đảm bảo tỷ lệ lao động nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp dưới 25%, trong đó tỷ lệ qua đào tạo chiếm 40 - 50% lao động nông thôn.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn dưới 2% (Tiêu chí nghèo đa chiều).

- 100% số xã đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia, 7 huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới.

### ***c. Về môi trường***

Quản lý tốt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường nông thôn bền vững: nâng độ che phủ rừng và cây xanh đạt 24%; bảo vệ và phát triển nguồn lợi tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học; xử lý căn bản ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp khu vực nông thôn, trong sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; tối thiểu 85% lượng nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải; xử lý bảo đảm hợp vệ sinh 50 - 60% lượng chất thải từ các cơ sở chăn nuôi tập trung, trang trại công nghiệp, cơ sở giết mổ, chế biến; nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, dịch bệnh, quản lý rủi ro trong sản xuất, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; 100% hộ dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế; trên 90% chất thải rắn nông thôn được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

## **2. Định hướng đến năm 2030**

Phát triển nông nghiệp theo hướng đô thị sinh thái hiện đại, sản xuất xanh, bảo vệ môi trường, an toàn, gắn với du lịch cộng đồng và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

### *a. Về kinh tế*

- Tốc độ tăng trưởng GDP nông lâm thủy sản giai đoạn 2021-2030 bình quân đạt 2%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2021-2030 khoảng 2,15%/năm. Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản là 51,6% - 0,25% - 48,15%.

- Giá trị gia tăng trên 1 đơn vị diện tích đất nông nghiệp tăng gấp 2 lần so với năm 2014, ước đạt 160 triệu đồng/ha (giá so sánh năm 2010).

### *b. Về xã hội*

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm khoảng 10 - 15% tổng số lao động của thành phố. Bình quân mỗi năm đào tạo nghề cho 35.000 lao động nông thôn. Tỷ lệ lao động qua đào tạo khu vực nông thôn chiếm 70 - 80%.

- Thu nhập bình quân người khu vực nông thôn tăng 3,0 - 3,5 lần so với 2014, ước đạt 80 - 95 triệu đồng/người.

- Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn dưới 1,5% (Tiêu chí nghèo đa chiều).

- Giữ vững kết quả đã đạt được trong xây dựng nông thôn mới, tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí của xã và huyện, với những yêu cầu cao hơn.

### *c. Về môi trường*

- 100% lượng chất thải rắn, nước thải của sản xuất nông nghiệp và ở nông thôn được thu gom, xử lý hợp vệ sinh.

- Độ che phủ rừng và cây xanh đạt 26%.

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ môi trường, giảm thiểu khí thải, chất thải, duy trì, bảo tồn nguồn lợi tài nguyên thiên nhiên.

## **III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU**

### **1. Xây dựng, hoàn chỉnh quy hoạch phát triển các lĩnh vực ngành nông nghiệp, quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất hàng hóa chủ lực tập trung, đảm bảo phát triển bền vững**

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu về nông nghiệp và phát triển nông thôn theo hướng nông nghiệp đô thị: Bảo vệ và phát triển rừng; hệ thống thủy lợi; hệ thống đê điều; ngành nghề nông thôn; vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

- Rà soát, bổ sung các vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp chủ lực tập trung, đặc biệt là các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao.

- Rà soát, bổ sung các quy hoạch: khu dân cư nông thôn; cấp nước sạch, thoát nước thải; thu gom, xử lý chất thải rắn; nghĩa trang nhân dân...

### **2. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ sản**

### **xuất, chế biến nông sản phẩm gắn với xây dựng nông thôn mới**

- Ở các huyện tập trung cao xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao làm hạt nhân và đẩy mạnh mở rộng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Đẩy mạnh đầu tư nâng cấp, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất sản phẩm chủ lực tập trung. Xây dựng các cơ sở sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung gắn với các vùng sản xuất hàng hóa chủ lực tập trung.

- Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống nghiên cứu, sản xuất và cung ứng giống cây trồng, con vật nuôi chất lượng cao.

- Đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất trang thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản theo hướng ứng dụng công nghệ cao.

- Đẩy mạnh đầu tư áp dụng cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất nông nghiệp, thủy sản.

- Nâng cao năng lực quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm sản phẩm nông, lâm, thủy sản. Tăng cường năng lực chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật (gia súc, gia cầm, thủy sản) và năng lực giám định dịch hại thực vật.

- Hoàn thiện các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tàu thuyền phục vụ nhu cầu tránh trú bão cho các phương tiện khai thác thủy sản; nâng cấp đồng bộ hệ thống dịch vụ hậu cần, đáp ứng yêu cầu phát triển khai thác thủy sản vùng biển xa bờ.

- Nâng cấp hệ thống thủy lợi theo hướng đa chức năng, đáp ứng yêu cầu cấp, thoát nước phục vụ sản xuất, đời sống dân sinh. Tập trung thực hiện chương trình nâng cấp đê biển, đê sông, trước hết ưu tiên đầu tư các công xung yếu dưới đê, các đoạn xung yếu còn lại trên tuyến đê biển.

### **3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, áp dụng cơ giới hóa và các quy trình kỹ thuật tiên tiến sản xuất các sản phẩm hàng hoá chủ lực đạt năng suất, chất lượng theo tiêu chuẩn VietGAP, VietGAPH, GlobalGAP, HACCP**

- Sản xuất trồng trọt các sản phẩm chủ lực: lúa đặc sản, rau an toàn, hoa, cây cảnh bằng giống chất lượng cao, tại các khu, vùng ứng dụng công nghệ cao, sử dụng chế phẩm sinh học, phân bón, giá thể hữu cơ, ứng dụng quy trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), chương trình 3 giảm 3 tăng, kỹ thuật thâm canh lúa cải tiến (SRI), quy trình điều khiển sinh trưởng, áp dụng cơ giới hóa đồng bộ, quy trình tưới tiết kiệm nước, trong nhà kính, nhà lưới, vòm che phủ...

- Chăn nuôi các sản phẩm chủ lực: lợn ngoại, gà lông màu trong trang trại bằng các giống năng suất, chất lượng, sử dụng hệ thống chuồng kín, hệ thống điều hoà nhiệt độ, độ ẩm phù hợp, hệ thống phân phối và định lượng thức ăn tại chuồng, kiểm soát dịch bệnh, an toàn thực phẩm theo quy chuẩn... đáp ứng tiêu chuẩn VietGAPH và xuất khẩu.

- Nuôi trồng thủy sản các sản phẩm chủ lực: tôm thẻ chân trắng, cá rô phi, nhuyễn thể... bằng các giống có năng suất, chất lượng, sử dụng chế phẩm sinh học, đẩy mạnh nuôi công nghiệp, thâm canh, tăng thêm vụ đông, nuôi trong

nhà bạt, nhà kính, áp dụng quy trình nuôi tuần hoàn tái sử dụng nước...

- Đẩy mạnh khai thác thủy sản vùng biển xa bờ, các đối tượng chủ lực là mực và nhóm cá đáy, đội tàu khai thác được hiện đại hóa về thông tin, liên lạc tầm xa; hệ thống dự báo, tìm kiếm ngư trường; trang thiết bị đánh bắt và hàm bảo quản sản phẩm tiên tiến... Áp dụng công nghệ số, viễn thám, sử dụng vệ tinh để quản lý nguồn lợi thủy sản và đội tàu khai thác. Tăng cường năng lực, đổi mới công nghệ bảo quản sản phẩm của các đội tàu dịch vụ, đáp ứng yêu cầu khai thác thủy sản dài ngày trên biển.

- Xây dựng hệ sinh thái rừng nhiều tầng, kết hợp cây phòng hộ, cây kinh tế, cây công nghiệp, cây ăn quả và lâm sản ngoài gỗ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

- Phát triển nông nghiệp đô thị sinh thái nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường ở khu vực ven đô, nội đô.

#### **4. Đổi mới chính sách, quản lý trong nông nghiệp, nhất là quản lý đất đai, thủy lợi, cải tạo đất**

- Đẩy mạnh đổi mới cơ chế chính sách khuyến khích xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hoá, thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản.

- Có chính sách khuyến khích, đẩy mạnh dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất nhằm tạo điều kiện thuận lợi kêu gọi các nhà đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hoá vào sản xuất hàng hoá tập trung.

- Chuyển đổi căn bản cơ chế quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi từ hình thức giao kế hoạch sang đặt hàng hoặc đấu thầu.

#### **5. Kêu gọi và đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp**

- Thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp: Thành phố có cơ chế hỗ trợ, cấp vốn để thu hồi đất, giải phóng mặt bằng cho doanh nghiệp thuê đất thực hiện dự án nông nghiệp công nghệ cao.

- Hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp đầu tư sản xuất trang thiết bị, chế tạo nông cụ, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, chế biến và thương mại nông sản.

#### **6. Phát triển thị trường tiêu thụ nông sản thành phố theo hướng tiêu thụ trong siêu thị, xuất khẩu với chất lượng cao**

- Phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chủ lực.

- Đẩy mạnh quảng bá, tiếp thị, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp, thủy sản.

- Xây dựng chuỗi sản phẩm chủ lực của nông nghiệp Hải Phòng.

- Xây dựng chợ đầu mối nông sản và phát triển hệ thống bán lẻ, bán buôn (các cửa hàng bán nông sản, kênh phân phối sản phẩm), khu giới thiệu, giao dịch nông

sản an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố.

- Xây dựng trang thông tin điện tử về sản phẩm nông nghiệp của thành phố; nghiên cứu xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển thị trường truyền thông và tiềm năng của nông sản thành phố, đặc biệt hệ thống siêu thị thương mại.

**7. Đổi mới tổ chức sản xuất, đưa các mô hình tổ chức sản xuất thích hợp với từng loại cây trồng, con vật nuôi, mô hình hợp tác, liên kết sản xuất có hiệu quả**

- Đổi mới tổ chức sản xuất, xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác theo hướng liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản.

- Xây dựng chương trình thúc đẩy liên kết giữa các hộ nông dân trong sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Rà soát, sắp xếp, đổi mới hoạt động các doanh nghiệp nông nghiệp.

**8. Tăng cường công tác khuyến nông, đào tạo nguồn nhân lực, cơ cấu lại lực lượng lao động nông thôn**

- Đổi mới công tác khuyến nông, khuyến ngư. Đẩy mạnh đào tạo nông dân, chủ các cơ sở sản xuất nông nghiệp (chủ trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ sản xuất nông nghiệp) sản xuất hàng hóa chủ lực, có lợi thế so sánh, sản phẩm an toàn thực phẩm. Tăng cường đào tạo nghề chuyển đổi lao động nông thôn sang lĩnh vực phi nông nghiệp.

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu ứng dụng, hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ đơn vị sự nghiệp công lập trong và ngoài ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, tái cơ cấu ngành nông nghiệp và cơ cấu lại lực lượng lao động nông thôn.

**9. Bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu**

- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, kế hoạch về môi trường: xử lý rác thải nông thôn; cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, bảo vệ và phát triển rừng, sản xuất xanh, nông nghiệp hữu cơ, trồng cây cảnh quan môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Rà soát và thực hiện Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân thành phố về ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Chú trọng đầu tư nâng cấp hệ thống đê điều, thủy lợi đáp ứng yêu cầu bảo vệ nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống dân sinh.

- Tăng mức dự trữ, đảm bảo đủ vật tư nông nghiệp sẵn sàng phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, phát triển sản xuất nông nghiệp.

**10. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp các ngành trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp**

- Các cơ quan truyền thông, báo chí của thành phố đưa tin kịp thời về Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, Đề án và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân

thành phố nhằm thống nhất nhận thức và hành động thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, quận có sản xuất nông nghiệp tổ chức phổ biến, quán triệt đến các cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể.

*(Danh mục các chương trình, đề án, dự án ưu tiên kèm theo)*

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bố trí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình, nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và từ các nguồn vốn khác; việc lập dự toán chi tiết hàng năm được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước trên cơ sở các nội dung và nhiệm vụ ưu tiên của Kế hoạch đã được phê duyệt.

- Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ vào nhiệm vụ được giao chủ trì có trách nhiệm lập dự toán kinh phí, tổng hợp trong dự toán ngân sách của cơ quan, đơn vị mình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

- Nhu cầu vốn: 40.913 tỷ đồng (không bao gồm nguồn vốn xây dựng nông thôn mới, xây dựng hạ tầng nông thôn và các chương trình khác), phân theo giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn 2016-2020: 10.551,9 tỷ đồng; trong đó nguồn vốn ngân sách 1.021,7 tỷ đồng, nguồn vốn khác 9.530,2 tỷ đồng;

+ Giai đoạn 2020-2030: 30.361,1 tỷ đồng; trong đó nguồn vốn ngân sách 2.426,4 tỷ đồng, nguồn vốn khác 27.934,7 tỷ đồng.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Nhiệm vụ chung**

a. Quán triệt, triển khai các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, Đề án và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b. Căn cứ nhiệm vụ được phân công và lộ trình thực hiện, các Sở, ngành, đơn vị, địa phương có trách nhiệm chủ trì đề xuất triển khai, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

##### **2. Nhiệm vụ cụ thể**

###### **a. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Rà soát, hoàn chỉnh các quy hoạch thuộc ngành; nghiên cứu cơ chế, chính sách thực hiện; đề xuất các chương trình, dự án khả thi để triển khai.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông định hướng cơ quan truyền



thông đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về nội dung, giải pháp, các cơ chế, chính sách, các mô hình tốt, cách làm hay về tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố; đề xuất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế khi cần thiết.

#### b. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tổng hợp, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành, địa phương đề xuất các cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển nông nghiệp và nông thôn; các cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư theo hình thức đầu tư có sự tham gia của nhà nước và tư nhân (PPP).

#### c. Sở Tài chính

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí ngân sách sự nghiệp hàng năm để thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Hướng dẫn thực hiện các chính sách tài chính cho thực hiện Đề án.

#### d. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành, địa phương liên quan, đề xuất các cơ chế, chính sách liên quan đến tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đa dạng hoá nguồn lực cho phát triển khoa học và công nghệ, hỗ trợ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn để thực hiện Đề án.

#### e. Sở Công thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố giải pháp phát triển thị trường nông sản thành phố theo hướng tiêu thụ trong hệ thống siêu thị, chợ và hệ thống bán lẻ an toàn thực phẩm.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường công tác xúc tiến thương mại các sản phẩm nông sản, thủy sản chủ lực của thành phố thông qua việc thường xuyên tham gia hội chợ triển lãm thương mại trên địa bàn thành phố và các tỉnh, thành phố khác.

#### f. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tăng cường rà soát, kiểm soát chặt chẽ quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp (đặc biệt là đất lúa).

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố giải pháp về đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững.

#### g. Sở Y tế tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm.

h. Sở Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông và có giải pháp, hình thức tuyên truyền trực tiếp, sâu rộng, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, địa phương về nội dung, nhiệm vụ, giải pháp về tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

i. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Hải Phòng

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn thành phố tập trung ưu tiên vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tích cực triển khai các chương trình tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương, đơn vị liên quan đẩy mạnh triển khai các cơ chế, chính sách tín dụng hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

j. Ủy ban nhân dân các huyện, quận có sản xuất nông nghiệp

- Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể thực hiện tái cơ cấu trên địa bàn thành phố và tổ chức thực hiện; tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch, cơ cấu lại sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; hình thành các vùng sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) quy mô tập trung trên cơ sở điều kiện sinh thái từng địa phương; tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng để thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư và nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển các hợp tác xã theo hướng liên kết hộ nông dân để phát triển sản xuất hàng hoá, nâng cao thu nhập.

k. Các Sở, ban, ngành thành phố, đơn vị, địa phương có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tích cực, chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các Hội đoàn thể thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố tăng cường phối hợp, giám sát và tham gia thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
CHỦ TỊCH**

  
Nguyễn Văn Tùng

**Phụ lục**

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN  
THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP**

*(kèm theo Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Số TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành xây dựng chương trình, đề án, dự án
<b>I</b>	<b>Xây dựng hoàn chỉnh quy hoạch phát triển các lĩnh vực ngành nông nghiệp; rà soát, bổ sung các vùng sản xuất hàng hoá chủ lực tập trung, đảm bảo phát triển bền vững</b>			
1	Rà soát, bổ sung các quy hoạch thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Y tế, UBND các huyện, quận.	2016-2020
2	Rà soát, bổ sung các vùng sản xuất sản phẩm hàng hoá chủ lực tập trung; xây dựng quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Y tế, UBND các huyện, quận.	2016-2020
3	Rà soát, bổ sung quy hoạch: dân cư nông thôn; nghĩa trang nhân dân; cấp nước sạch; thu gom, xử lý nước thải; hệ thống xử lý chất thải rắn.	Sở Xây dựng	Các sở: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Y tế; UBND các huyện, quận.	2016-2020
<b>II</b>	<b>Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, nâng cấp trang thiết bị, máy cơ khí phục vụ sản xuất, chế biến nông sản gắn với xây dựng nông thôn mới</b>			
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu nông nghiệp công nghệ cao và các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	UBND các huyện, quận	Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và	2016-2020

			Công nghệ, Xây dựng, Giao thông vận tải.	
5	Dự án xây dựng trung tâm nghề cá lớn gắn với ngư trường Bắc bộ tại Hải Phòng.	UBND các huyện, quận	Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng.	2016-2020
6	Dự án tăng cường năng lực chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật (gia súc, gia cầm, thủy sản); giám định dịch hại thực vật.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Giao thông vận tải; UBND các huyện, quận.	2016-2020
7	Đầu tư nâng cấp, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất sản phẩm chủ lực tập trung.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Y tế.	2016-2020
<b>III</b>	<b>Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, áp dụng cơ giới hóa và các quy trình kỹ thuật tiên tiến sản xuất các sản phẩm hàng hoá chủ lực đạt năng suất, chất lượng theo tiêu chuẩn VietGAP, VietGAPH, GlobalGAP, HACCP...</b>			
8	Đề án phát triển sản xuất rau an toàn thực phẩm, hoa, cây cảnh ứng dụng công nghệ cao.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Y tế, UBND các huyện, quận.	2016-2020
9	Đề án phát triển chăn nuôi lợn, bò và gà lông màu chất lượng cao.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, quận.	2016-2020
10	Đề án phát triển các sản phẩm thủy sản chủ lực tập trung (tôm thẻ chân trắng, cá rô phi...).	Sở Nông nghiệp	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và	2016-2020

		và Phát triển nông thôn	Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Y tế; UBND các huyện, quận.	
<b>IV</b>	<b>Đổi mới chính sách, quản lý trong nông nghiệp, nhất là quản lý đất đai, thủy lợi, cải tạo đất</b>			
11	Đề án cơ chế chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản, nâng cao thu nhập cho người dân giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Tư pháp, UBND các huyện, quận.	2016-2020
12	Đề án dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất thu hút đầu tư vào nông nghiệp, thủy sản thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Công thương, Tư pháp, UBND các huyện, quận	2016-2020
<b>V</b>	<b>Kêu gọi và đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất và kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn</b>			
13	Xây dựng cơ chế chính sách thu hút đầu tư của các doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, quận.	2016-2020
<b>VI</b>	<b>Phát triển thị trường tiêu thụ nông sản Hải Phòng theo hướng tiêu thụ trong siêu thị, xuất khẩu với chất lượng cao</b>			
14	Đề án phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chủ lực.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế; UBND các huyện, quận.	2016-2020
15	Đề án xây dựng, phát triển nhãn hiệu hàng hóa các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chủ lực.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế; UBND các huyện, quận.	2016-2020

16	Xây dựng chợ đầu mối nông sản trên địa bàn thành phố và phát triển hệ thống bán lẻ, bán buôn nông sản thực phẩm an toàn.	Sở Công thương	Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế; UBND các huyện, quận.	2016-2020
<b>VII</b>	<b>Đổi mới tổ chức sản xuất, đưa các mô hình tổ chức sản xuất thích hợp với từng loại cây trồng, con vật nuôi, mô hình hợp tác, liên kết sản xuất hiệu quả</b>			
17	Đề án đổi mới tổ chức sản xuất, phát triển các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác theo hướng liên kết sản xuất	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Khoa học và Công nghệ; Y tế, UBND các huyện, quận.	2016-2020
<b>VIII</b>	<b>Tăng cường công tác khuyến nông, đào tạo nguồn nhân lực, cơ cấu lại lực lượng lao động nông thôn</b>			
18	Đề án đổi mới, đẩy mạnh công tác khuyến nông khuyến ngư.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Lao động Thương binh và Xã hội, Nội vụ, UBND các huyện, quận.	2016-2020
19	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở: Lao động Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, quận.	Thường xuyên
20	Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, quận.	Thường xuyên
<b>IX</b>	<b>Bảo vệ môi trường sinh thái ứng phó với biến đổi khí hậu</b>			
21	Chương trình phục hồi và phát triển rừng phòng hộ ven biển, ven sông, đồi núi; nâng cao năng lực bảo tồn đa dạng sinh học gắn với tạo sinh kế bền vững.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, quận.	2016-2020

22	Chương trình tu bổ đê điều, nâng cấp hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu bảo vệ nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống dân sinh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Y tế; UBND các huyện, quận.	2016-2020
23	Đề án xử lý chất thải vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản tập trung (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, bển cá, cảng cá...).	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Hội Chữ thập đỏ thành phố; UBND các huyện, quận.	2016-2020
<b>X</b>	<b>Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp các ngành trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp</b>			
24	Kế hoạch tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, Đề án và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, Báo Hải Phòng, Báo An ninh Hải Phòng, UBND các huyện, quận.	Thường xuyên